THỰC TRẠNG ÁP DỤNG CHÍNH SÁCH THUẾ VÀO KINH TẾ CÁ THỂ, TIỂU CHỦ Ở VIỆT NAM

1. Cơ sở Pháp lý: Luật Quản lý thuế

- Sự cần thiết phải ban hành Luật Quản lý Thuế.

Thứ nhất, xuất phát từ yêu cầu đề cao vai trò của tổ chức, cá nhân trong công tác quản lý thuế và thống nhất các quy định về quản lý thuế. Quản lý thuế là công việc liên quan đến nhiều tổ chức, cá nhân. Đặc biệt, từ năm 2004, khi thực hiện cơ chế người nộp thuế tự tính, tự khai, tự nộp thuế, vai trò của người nộp thuế đó được đề cao hơn. Theo đó, người nộp thuế tự chịu trách nhiệm trong việc thực hiện nghĩa vụ thuế của mình, cơ quan quản lý thuế tập trung vào thực hiện các chức năng tuyên truyền, hỗ trợ kiểm tra, giám sát người nộp thuế. Trong khi đó, nội dung quản lý thuế lại được quy định rải rác ở nhiều luật thuế nên đó gây khó khăn cho cả người nộp thuế và cơ quan quản lý thuế trong việc tuân thủ các quy định về quản lý thuế. Việc ban hành Luật quản lý thuế áp dụng chung cho các loại thuế sẽ khắc phục được tình trạng trên và không phải sửa đổi nhiều luật thuế. Từ đó sẽ tách bạch được nội dung quy định về quản lý thuế ra khỏi các luật thuế hiện hành. Các luật thuế sau này tập trung vào các nội dung quy định về chính sách thuế.

Thứ hai, nâng cao tính pháp lý của các quy định quản lý thuế bảo đảm thực thi hiệu quả các luật thuế, pháp lệnh thuế.

TTBD ĐBDC

Qua tổng kết đánh giá công tác quản lý thuế trong 15 năm qua, hầu hết các quy định về quản lý thuế trong các luật thuế hiện hành chỉ quy định chung, mang tính nguyên tắc. Các quy định cụ thể về quyền và nghĩa vụ của người nộp thuế; quyền và trách nhiệm của cơ quan quản lý thuế; các thủ tục hành chính về thuế; thời gian giải quyết các công việc về thuế đều được quy định tại các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật, nên tính pháp lý không cao. Do đó, cần thiết phải luật hoá các quy định nêu trên nhằm nâng cao tính tuân thủ của người nộp thuế, cơ quan quản lý thuế.

Thứ ba, khắc phục các hạn chế của công tác quản lý thuế và đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế.

Hiện nay, tình trạng thất thu thuế, nợ đọng thuế cũng diễn ra ở nhiều sắc thuế, nhiều địa phương. Ngoài các nguyên nhân về nhận thức của người nộp thuế, cũng có nguyờn nhõn là chưa có quy định cụ thể về các công cụ giám sát, các chế tài xử phạt vi phạm pháp luật về thuế; phương pháp quản lý thuế cũng lạc hậu so với các nước trong khu vực. Vì vậy, cần thiết phải xây dựng Luật quản lý thuế phù hợp với thông lệ quốc tế. Đó là người nộp thuế tự tính, tự khai, tự nộp thuế; cơ quan thuế thực hiện các chức năng quản lý thuế mà trong đó chủ yếu là cung cấp các dịch vụ công (tuyên truyền và hỗ trợ người nộp thuế), giám sát tuân thủ pháp luật thuế thông qua việc kiểm tra, thanh tra, điều tra thuế và cưỡng chế thi hành pháp luật thuế.

- *Quan điểm chỉ đạo xây dựng Luật Quản lý thuế.*

Luật Quản lý thuế được xây dựng nhằm đáp ứng yêu cầu nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý thuế; tạo điều kiện thuận lợi cho người nộp thuế nộp đúng, đủ kịp thời tiền thuế vào Ngân sách Nhà nước và cơ quan quản lý thuế thu đúng, thu đủ tiền thuế; quy định có quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của người nộp thuế, cơ quan quản lý thuế và của các tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc quản lý thuế. Đồng thời, Luật được ban hành nhằm đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính thuế theo hướng đơn giản, rõ ràng, minh bạch, dễ thực hiện, tăng cường vai trò kiểm tra giám sát của Nhà nước, cộng đồng xã hội trong việc thực hiện quản lý thuế.

Luật được xây dựng dựa trên các nguyên tắc, quan điểm chỉ đạo như sau:

+ Kế thừa các quy định của pháp luật hiện hành về quản lý thuế để quy định thống nhất trong luật quản lý thuế chung, phù hợp với mục tiờu, yờu cầu cải cách quản lý thuế trong những năm tới.

+ Tiếp cận với những kinh nghiệm quản lý thuế của các nước tiên tiến, áp dụng phù hợp với điều kiện thực tiễn của Việt Nam.

+ Tạo hành lang pháp lý cho đổi mới phương thức quản lý thuế từ cơ chế chuyên quản, người nộp thuế thụ động trong thực hiện nghĩa vụ thuế sang cơ chế người nộp thuế chủ động trong việc xác định đúng số thuế phải nộp, thực hiện nộp thuế đúng thời hạn cũngg như xác định các ưu đói thuế, quyền lợi về thuế của mình. Cơ quan quản lý thuế tập trung vào thực hiện tuyền truyền, phổ biến hướng dẫn pháp luật thuế, kiểm tra, thanh tra bảo đảm tuõn thủ pháp luật thuế.

+ Ngoài ra, Luật Quản lý thuế cũng phải đảm bảo tính thống nhất với các Luật khác có liên quan như Bộ luật Tố tụng hình sự, Bộ luật Tố tụng dõn sự, Luật Thanh tra, Luật Khiếu nại, tố cáo, Luật Hải quan, Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính ...

- Nội dung cơ bản của Luật Quản lý thuế.

+ Về phạm vi điều chỉnh:

Luật quản lý thuế quy định phạm vi điều chỉnh "quy định việc quản lý các loại thuế, các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước do cơ quan quản lý thuế quản lý thu theo quy định của pháp luật". Như vậy, Luật quản lý thuế có phạm vi điều chỉnh rất toàn diện, áp dụng đối với tất cả các khâu trong quá trình thực hiện các nghĩa vụ quy định đối với các sắc thuế và các khoản thu ngân sách nhà nước do cơ quan thuế, cơ quan hải quan quản lý.

+ Về đối tượng điều chỉnh:

TTBD ĐBDC

Luật quản lý thuế điều chỉnh tất cả các chủ thể có nghĩa vụ, trách nhiệm trong công tác quản lý thuế: bao gồm (i) người nộp thuế là: Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân nộp thuế theo quy định của pháp luật về thuế; Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân nộp các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước (gọi chung là thuế) do cơ quan quản lý thuế quản lý thu theo quy định của pháp luật; Tổ chức, cá nhân khấu trõ thuế và làm các thủ tục về thuế thay người nộp thuế; (ii) cơ quan quản lý thuế gồm cơ quan thuế, cơ quan hải quan; (iii) công chức quản lý thuế gồm công chức thuế, công chức hải quan; (vi) Cơ quan nhà nước; tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc thực hiện pháp luật thuế.

+ Về quyền và nghĩa vụ của người nộp thuế:

Luật quản lý thuế quy định đầy đủ quyền và nghĩa vụ của người nộp thuế để giúp người nộp thuế hoàn thành tốt nghĩa vụ thuế của mình.

+ Về quyền và nghĩa vụ của cơ quan, công chức quản lý thuế:

Luật quản lý thuế quy định cơ quan thuế có các quyền hạn để thực thi nhiệm vụ quản lý thuế có hiệu lực, hiệu quả. Bên cạnh việc trao cho cơ quan thuế một số quyền hạn để thực thi nhiệm vụ quản lý thuế, Luật quản lý thuế cũngg quy định các trách nhiệm ràng buộc để cơ quan quản lý thuế, công chức quản lý thuế làm tốt nhiệm vụ của mình.

Để thực hiện tốt cơ chế tự khai, tự nộp của người nộp thuế, thì trách nhiệm của cơ quan quản lý thuế trong công tác truyền truyền, phổ biến, hướng dẫn pháp luật phải được nâng cao và đặt trong bối cảnh mới nhằm tạo điều kiện cho người nộp thuế hiểu và thực hiện đúng các quy định nghĩa vụ thuế cũngg như các quyền lợi về thuế.

Song song với việc quy định trách nhiệm của cơ quan quản lý thuế, Luật quy định rõ việc xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về thuế đối với cơ quan quản lý thuế, công chức quản lý thuế để ngăn chặn và xử lý nghiờm minh đối với các hành vi vi phạm:

+ Về tổ chức kinh doanh làm thủ tục về thuế

Thực hiện cơ chế tự tính, tự khai, tự nộp thuế đòi hỏi người nộp thuế phải nắm vững các quy định pháp luật về quản lý thuế. Bên cạnh việc cơ quan quản lý thuế phải tăng cường công tác tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế, cần phải đẩy mạnh xã hội hoỏ trong việc trợ giúp người nộp thuế, nhất là đối với người nộp thuế là cá nhân, doanh nghiệp vừa và nhỏ. Để có cơ sở pháp lý cho hoạt động này, Điều 20 Luật quản lý thuế quy định về tổ chức kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế. Theo đó, tổ chức kinh doanh làm thủ tục về thuế là doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ có điều kiện được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật doanh nghiệp, thực hiện các thủ tục về thuế theo thoả thuận với người nộp thuế.

+ Về trách nhiệm pháp lý của các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân trong công tác quản lý thuế

Luật Quản lý thuế đề cao trách nhiệm pháp lý của các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân trong công tác quản lý thuế. Thuế là nguồn thu chủ yếu của Ngân sách nhà nước để phục vụ lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng. Vì vậy, các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan đều có trách nhiệm tham gia vào công tác quản lý thuế trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

+ Về thủ tục hành chính thuế

Luật Quản lý thuế quy định thống nhất trình tự thủ tục hành chính thuế theo hướng minh bạch, tạo môi trường thông thoáng tiện lợi cho người nộp thuế. Tại mỗi giai đoạn của quy trình thủ tục đều quy định rõ đối tượng, thời hạn, hồ sơ đăng ký, địa điểm thực hiện cũngg như quy định rõ trách nhiệm của các đối tượng có liên quan.

+ Về thực hiện quản lý thuế hiện đại dựa trên hệ thống thông tin tổng hợp về người nộp thuế.

Hệ thống thông tin về người nộp thuế là cơ sở cho việc quản lý thuế hiện đại, dựa trên kỹ thuật quản lý rủi ro; đồng thời là cơ sở để ngành thuế phân tích, dự báo số thu phục vụ công tác điều hành thu của ngân sách nhà nước. Tại Chương IX Luật quy định về thông tin về người nộp thuế, theo đó thông tin về người nộp thuế bao gồm những thông tin liên quan đến nghĩa vụ thuế của người nộp thuế. Trên cơ sở phân tích thông tin về người nộp thuế, cơ quan quản lý thuế tập trung vào quản lý các đối tượng có nhiều khả năng vi phạm pháp luật thuế, đồng thời giảm phiền hà cho đối tượng chấp hành tốt pháp luật thuế.

TTBD DBDC

Ngoài ra Luật Quản lý thuế cũng đưa ra những quy định về kiểm tra, thanh tra thuế nhằm giám sát quá trình chấp hành pháp luật về thuế; những quy định các biện pháp nhằm ngăn chặn, xử lý nghiêm minh những người có hành vi vi phạm pháp luật về thuế cũngg như những quy định về xử lý vi phạm pháp luật về thuế.

2. Công tác quản lý thu thuế đối với kinh tế cá thể, tiểu chủ.

♦ *Tổ chức bộ máy ngành thuế..*

Sau khi thực hiện luật thuế GTGT, Luật thuế TNDN, Luật Quản lý thuế và quy trình quản lý thuế mới: Người nộp thuế tự khai tự nộp thuế, , tổ chức bộ máy ngành thuế cũngg đó được cải tiến một bước đáng kể, đặc biệt là cấp Cục Thuế và Chi cục Thuế.

Tổ chức bộ máy ngành thuế được tổ chức theo nguyên tắc kết hợp giữa quản lý theo sắc thuế và theo đối tượng. Ở cấp TW, việc chỉ đạo quản lý thu chủ yếu dựa theo sắc thuế (bao gồm Phòng quản lý thuế GTGT và tiòu thụ đặc biệt, phòng quản lý thuế thu nhập, phòng quản lý lệ phớ và thu khác, phòng thuế XNK, phòng quản lý thuế nụng nghiệp và đất dai, phòng thuế quốc tế…).Ngoài ra, thực hiện chủ trương đường lối phát triển Kinh tế của Đảng và Nhà nuốc đối với các lĩnh vực kinh tế khác nhau, đồng thời do đặc thù riêng của ĐTNT thuộc một số khu vực kinh tế đòi hỏi công tác quản lý thuế phải có những biện pháp riờng. Vì vậy, ở cấp TW cũng tổ chức các phòng quản lý đối với các ĐTNT này như : Phòng quản lý thuế khu vực kinh tế NQD, phòng quản lý thuế đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

Ở cấp địa phương (Cục thuế tỉnh và thành phố trực thuộc TW) là nơi trực tiếp thực hiện công tác quản lý và thu thuế thì nguyờn tắc tổ chức bộ máy quán lý chủ yếu dựa trên theo nguyờn tắc đối tượng. Tuy nhiên, đối tượng quản lý lại được phân loại theo các tiêu thức khác nhau, làm cơ sở cho việc tổ chức bộ máy quản lý thuế. Cục thuế chịu trách nhiệm quản lý thuthuế đối với các đối tượng nộp thuế là các doanh nghiệp ngoài quốc doanh (gồm cả TW và địa phương) , các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và doanh nghiệp NQD quy mô lớn, vừa. Các doanh nghiệp quốc doanh TW lại được phân loại theo các ngành nghề kinh doanh. Vì vậy, cơ cấu tổ chức ở cấp Cục Thuế bao gồm các phòng quản lý thuế doanh nghiệp quốc doanh chia theo ngành nghề, phòng quản lý thuế doanh nghiệp ngoài quốc doanh. Ngoài ra, cơ cấu tổ chức của Cục Thuế cũng có các phòng thực hiện các chức năng trong quy trình quản lý thu thuế như phòng thông tin xử lý tờ khai, phòng thanh tra…

Bên cạnh các bộ phận chỉ đạo và quản lý trực tiếp công tác thu thuế, tại cả cấp TW và địa phương cũng tổ chức các bộ phận quản lý theo chức năng nhằm

TTBD ĐBDC

gián tiếp hoặc trực tiếp tham gia vào qui trình quản lý thu thuế hoặc phục vụ cho công tác quản lý thu thuế như : Phòng thanh tra, kiểm tra thuế, phòng quản lý biờn lai, ấn chỉ thuế, phòng chính sách thuế, phòng tổ chức cỏn bộ đào tạo…

Tổng cục thuế đó có quyết định số 729/QĐ-TCT ngày 18/06/2007, về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của Chi cục Thuế trực thuộc Cục Thuế và chức năng, nhiệm vụ của các Đội thuế thuộc Chi cục Thuế từ ngày 01/7/2007; thay thế quyết định số 1682 QĐ/TCT-TCCB ngày 14/11/2003. Chi cục Thuế thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm theo qui định của Luật Quản lý thuế, các luật thuế, các qui định pháp luật khác có liên quan và những nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể như:

- Tổ chức triển khai thực hiện thống nhất các văn bản qui phạm pháp luật về thuế, quy trình nghiệp vụ quản lý thuế trên địa bàn;

- Tổ chức thực hiện dự toán thu thuế hàng năm; phân tích, đánh giá công tác quản lý thuế, tham mưu với cấp uỷ Đảng, chính quyền địa phương về lập và thực hiện dự toán thu NSNN; phối hợp với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn để thực hiện nhiệm vụ được giao;

- Tổ chức thực hiện nhiệm vụ quản lý thuế đối với người nộp thuế thuộc phạm vi quản lý của Chi cục Thuế: đăng ký thuế, cấp mó số thuế, xử lý hồ sơ khai thuế, tính thuế, nộp thuế, miễn thuế, giảm thuế, xãa nợ thuế, tiền phạt, lập sổ thuế, thông báo thuế, phát hành các lệnh thu thuế và thu khác theo qui định của pháp luật thuế; đôn đốc người nộp thuế thực hiện nghĩa vụ nộp thuế đầy đủ, kịp thời vào NSNN...

- Quản lý thông tin về người nộp thuế; xây dựng hệ thống dữ liệu thông tin về người nộp thuế trên địa bàn;

- Thực hiện công tác tuyên truyền, hướng dẫn, giải thích chính sách thuế, hỗ trợ người nộp thuế thực hiện nghĩa vụ nộp thuế theo quy định của pháp luật;

- Kiểm tra việc kê khai thuế, hoàn thuế, miễn thuế, giảm thuế, nộp thuế, quyết toán thuế và chấp hành chính sách, pháp luật thuế đối với người nộp thuế và các tổ chức, cá nhân được uỷ nhiệm thu thuế; xử lý và kiến nghị xử lý đối với

trường hợp vi phạm pháp luật thuế; giải quyết các khiếu nại, tố cáo về thuế theo thẩm quyền;

- Kiểm tra việc chấp hành trách nhiệm công vụ của công chức thuế; giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến việc chấp hành nhiệm vụ, công vụ công chức thuế;

- Kiến nghị với cơ quan thuế cấp trên những vấn đề vướng mắc cần sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật thuế, các quy trình, quy định của cơ quan thuế cấp trên. Báo cáo Cục thuế những vướng mắc phát sinh vượt quá thẩm quyền giải quyết của Chi cục Thuế.

- Tổ chức thực hiện công tác kế toán thuế, thống kê thuế; lập các báo cáo kết quả thu thuế và các báo cáo khác phục vụ cho công tác chỉ đạo, điều hành của cơ quan Thuế cấp trên, Ủy ban nhân dân đồng cấp và các cơ quan có liên quan; tổng kết đánh giá tình hình và kết quả công tác của Chi cục Thuế;

- Lập hồ sơ đề nghị khởi tố các tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật thuế; thông báo công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng đối với người nộp thuế vi phạm nghiêm trọng pháp luật về thuế;

- Được quyền ấn định thuế, xử lý vi phạm hành chính về thuế, truy thu thuế; thực hiện các biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế để thu tiền thuế nợ, tiền phạt vi phạm hành chính thuế;

- Quyết định hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền quyết định miễn thuế, giảm thuế, hoàn thuế, truy thu thuế, gia hạn thời hạn nộp hồ sơ khai thuế, gia hạn thời hạn nộp thuế, khoanh nợ, giãn nợ, xãa tiền nợ thuế, tiền phạt theo quy định của pháp luật;

- Được quyền yêu cầu người nộp thuế cung cấp sổ kế toán, hoá đơn, chứng từ và hồ sơ tài liệu khác có liên quan đến việc tính thuế, nộp thuế; được yêu cầu tổ chức tín dụng, các tổ chức, cá nhân khác có liên quan cung cấp tài liệu và phối hợp với cơ quan thuế trong công tác quản lý thuế;

TTBD ĐBDC

- Đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý các tổ chức, cá nhân không thực hiện trách nhiệm phối hợp với cơ quan thuế trong công tác quản lý thuế để thu tiền thuế vào NSNN theo quy định của pháp luật;

- Bồi thường thiệt hại cho người nộp thuế; giữ bí mật thông tin của người nộp thuế; xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ thuế của người nộp thuế khi có đề nghị theo quy định của pháp luật;

- Tổ chức tiếp nhận và triển khai các ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ thông tin và phương pháp quản lý thuế hiện đại vào các hoạt động của Chi cục Thuế.

- Quản lý, sử dụng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức thuế thuộc Chi cục Thuế; quản lý, lưu giữ hồ sơ, tài liệu, ấn chỉ thuế và kinh phí, tài sản được giao theo quy định;

Nghiệp vụ quản lý thu thuế

Từ năm 1999, thực hiện Luật thuế Giá trị gia tăng và Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, ngành Thuế đó thực hiện cải tiến cơ bản quy trình quản lý thuế và bước đầu thực hiện hiện đại hoá công tác quản lý thu thuế . Ứng với 2 đối tượng quản lý thuế ; doanh nghiệp và hộ kinh doanh nhỏ, ngành Thuế áp dụng 2 quy trình quản lý thu thuế khác nhau. Các doanh nghiệp và hộ kinh doanh có mở sổ sách kế toỏn thực hiệp nộp thuế theo quy trình tự khai và nộp thuế theo thông bỏo của cơ quan Thuế vào Kho bạc Nhà nước. Các hộ kinh doanh nhỏ nộp thuế theo quy trình ấn định thuế. Sau khi thực hiện thí điểm ở một số địa phương, hiện nay đó áp dụng Quy trình quản lý mới đú là các DN, hộ kinh doanh có mở sổ sách kế toỏn được tự khai, tự tính, tự nộp thuế có nhiều ưu điểm. Đồng thời cơ quan thuế được áp dụng phương pháp ấn định (khoán) thuế là hoàn toàn phù hợp với điều kiện thực tế của Việt Nam. Hơn nữa các phương pháp trên thường xuyên được cải tiến và hoàn thiện đó đảm bảo thực hiện có hiệu quả các chính sách thuế. Phương pháp khoán thuế ngày một minh bạch, công khai, ổn định trong thời gian dài (6 tháng, 1 năm) đó được hộ kinh doanh đồng tình, tạo điều kiện nâng cao tính tự giác tuân thủ thực hiện luật thuế của người nộp thuế.

TTBD ĐBDC

Công nghệ thông tin đó được ứng dụng vào các khâu chính của quy trình quản lý thuế như: đăng ký cấp mó số thuế, xử lý tờ khai và chứng từ nộp thuế, tính thuế, theo dừi nợ đọng thuế, tính phạt nộp chậm tiền thuế, kế toán, thống kê thuế, cung cấp thông tin cho công tác chỉ đạo quản lý thu và thanh tra thuế.

Do cải tiến quy trình quản lý, các đối tượng nộp thuế theo kê khai đó lập và nộp tờ khai thuế hàng thỏng tương đối đầy đủ và đúng thời hạn. Hàng tháng đó có khoảng 97-98% số doanh nghiệp nộp tờ khai thuế đầy đủ và đúng hạn), chỉ cũng 2%-3% là chưa lập và nộp tờ khai hoặc nộp tờ khai chậm, cơ quan thuế phải ấn định số thuế nộp hàng tháng.

Đi đôi với việc thực hiện cơ chế ĐTNT tự kê khai thuế thì công tác kiểm tra, thanh tra thuế cũng được tăng cường. Số lượng cán bộ cho công tác thanh tra cũngg được bổ sung thêm. Công tác tuyên truyền, thông tin phục vụ đối tượng nộp thuế được coi trọng. Ngành thuế đó thực hiện nhiều hình thức truyền truyền giáo dục pháp luật về thuế cho toàn dõn.

Quy trình quản lý thu thuế đối với các hộ kinh doanh nhỏ, không có sổ sách kế toán cũng được cải tiến. Quy trình mới đó xãa bỏ việc cỏn bộ quản lý thuế tiếp xỳc với chủ hộ kinh doanh để xác định mức thuế. Số thuế ấn định được xác định trên cơ sở điều tra sản xuất kinh doanh, có sự xem xét tập thể. Mức thuế ấn định được công khai, dân chủ thông qua Hội đồng tư vấn thuế xã, phường nên hiện tượng tiêu cực trong việc ấn định mức thuế đó giảm. Mức thuế được ổn định 6 tháng hoặc 1 năm đó giúp cho ĐTNT chủ động hơn trong kế hoạch sản xuất, kinh doanh.

TTBD DBDC

**Đối với hộ kinh doanh nộp thuế kê khai*

Hộ kinh doanh nộp thuế theo kê khai gồm:

- Hộ kinh doanh thực hiện đầy đủ chế độ kế toán, lưu giữ đầy đủ hoá đơn, chứng từ khi mua, bán hàng hóa dịch vụ và xác định được doanh thu, chi phí.

- Hộ kinh doanh thực hiện lưu giữ đủ hóa đơn chứng từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và xác định được doanh thu nhưng không có đủ hóa đơn chứng từ mua hàng hóa, dịch vụ đầu vào nên không xác định được chi phí.

Chi cục thuế thực hiện phát Hồ sơ khai thuế (theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 60/2007TT-BTC ngày 14/6/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế) cho các hộ kinh doanh đồng thời hướng dẫn, giải thích, hỗ trợ, cung cấp các tài liệu cần thiết giúp hộ kinh doanh xác định được số thuế phải nộp và đôn đốc hộ kinh doanh nộp hồ sơ khai thuế, nộp thuế đúng thời hạn.

**Đối với hộ kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán*

Các Chi cục thực hiện phát Hồ sơ khai thuế khoán (theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 60/2007/TT-BTC nêu trên) cho các hộ kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán và đôn đốc hộ kinh doanh khai, nộp hồ sơ khai thuế. Doanh thu trên Hồ sơ khai thuế khoán được sử dụng để tính thuế GTGT, thuế TNDN, thuế TTĐB (nếu có). Thời hạn nộp hồ sơ chậm nhất là ngày 31/12 hàng năm.

Căn cứ doanh thu kê khai của hộ kinh doanh và cơ sở dữ liệu của cơ quan thuế đang quản lý, Chi cục thuế phối hợp với Hội đồng tư vấn thuế xã, phường kiểm tra xác định tính đúng đắn, trung thực của hồ sơ khai thuế khoán, tổ chức điều tra xác định lại doanh thu, thu nhập đối với những trường hợp có nghi vấn khai không đúng để ấn định lại doanh thu kinh doanh. Để đảm bảo việc xác định thuế được công bằng, trước khi thông báo số thuế phải nộp của từng Hộ, các Chi cục thuế công khai dự kiến doanh thu, số thuế phải nộp của từng hộ nộp thuế theo phương pháp khoán để lấy ý kiến theo quy định, sau đó tham khảo ý kiến hội đồng tư vấn thuế xã, phường để xác định và thông báo cho hộ, cá nhân nộp thuế biết và thực hiện.

TTBD ĐBDC

Sau khi có ý kiến của Hội đồng tư vấn thuế xã, phường về doanh thu dự kiến số thuế phải nộp của từng hộ kinh doanh, Chi cục thuế tổ chức lập bộ thuế, duyệt bộ thuế theo hướng dẫn tại Quy trình quản lý thuế hộ kinh doanh ban hành kèm theo Quyết định số 1201/TCT-QĐ/TCCB ngày 26/7/2004 của Tổng cục trưởng Tổng cục thuế

Căn cứ sổ bộ được duyệt, Chi cục thuế in và phát hành Thông báo nộp thuế theo mẫu đang áp dụng đối với Hộ ổn định thuế gửi đến các hộ kinh doanh, trong đó ghi rõ thời hạn nộp thuế khoán là trước ngày cuối cùng của tháng, thời gian gửi

Thông báo nộp thuế khoán chậm nhất là ngày 20 của tháng đầu tiên thời kỳ ổn định 6 tháng hoặc 1 năm.

Số thuế khoán được xác định cho từng tháng và ấn định khoán trong 6 tháng hoặc 12 tháng. Căn cứ vào thông báo nộp thuế, Đội quản lý thuế đôn đốc hộ kinh doanh nộp tiền thuế hàng tháng hoặc hàng quý nếu hộ kinh doanh đăng ký nộp thuế theo quý.

Trường hợp hộ nộp thuế theo phương pháp khoán có thay đổi ngành nghề, quy mô kinh doanh hoặc quy mô khai thác tài nguyên, khoáng sản thì Chi cục thuế căn cứ tài liệu kê khai bổ sung của hộ kinh doanh hoặc tài liệu theo kết quả điều tra của Chi cục thuế thực hiện điều chỉnh lại doanh số, số thuế khoán đã ổn định.

3. Kết quả của hoạt động quản lý thuế

Sau hơn 25 năm thực hiện cải cách thuế, hệ thống quản lý thuế đó thể hiện ưu nhược điểm sau :

Ưu điểm

- Việc áp dụng Quy trình quản lý các DN, hộ kinh doanh có mở sổ sách kế toỏn được tự khai, tự tính thuế và nộp thuế theo thông báo của cơ quan thuế và hiện nay là tự tính, tự khai, tự nộp có nhiều ưu điểm. Đồng thời cơ quan thuế được áp dụng phương pháp ấn định (khoán) thuế là hoàn toàn phù hợp với điều kiện thực tế của Việt Nam. Hơn nữa các phương pháp trên thường xuyên được cải tiến và hoàn thiện đó đảm bảo thực hiện có hiệu quả các chính sách thuế. Phương pháp khoán thuế ngày một minh bạch, công khai, ổn định trong thời gian dài (6 tháng, 1 năm) đó được hộ kinh doanh đồng tình, tạo điều kiện nâng cao tính tự giác tuân thủ thực hiện luật thuế của người nộp thuế. Phương pháp quản lý thuế hiện nay đó đặt nền móng cho việc đi dần vào phương pháp quản lý thuế văn minh tiến bộ.

- Việc thu thuế qua Kho bạc Nhà nước đó có tác dụng tập trung nguồn thu vào NSNN một cách nhanh chóng, giảm hiện tượng cán bộ thuế chiếm dụng, xâm tiêu tiền thuế. Công tác quản lý thu thuế từng bước được chuyên môn hoá, trách nhiệm của cá nhân và tập thể trong quản lý thu, nộp thuế được quy định rõ rang ,

TTBD ĐBDC

các khõu của quy trình quản lỳ thuế bảo đảm tính công khai dân chủ, Vì vậy, đó giảm được các hành vi tuỳ tiện, tiêu cực trong công tác quản lý thu, nộp thuế .

-Việc đưa công nghệ thông tin vào công tác quản lý thuế, tuy mới chỉ là bước đầu , nhưng đó nõng cao hiệu quả công tác quản lý. Việc cấp mó số đối tượng nộp thuế thống nhất trong cả nước đó gúp phần quản lý chặt chẽ hơn ĐTNT, giảm thất thu về số ĐTNT

- Bộ máy quản lý thuế từng bước được củng cố kiện toàn, đó phục vụ tốt cho việc thực hiện qui trình quản lý thu thuế, gúp phần tích cực vào việc hoàn thành nhiệm vụ thu Ngân sách NN. Số thuế và chi phí thu được hàng năm đều vượt mức kế hoạch Quốc hội giao và không ngừng tăng nhanh cả về số tương đối và tuyệt đối. Kết quả đó, chủ yếu là do cải cách hệ thống chính sách thuế và tổ chức bộ máy thu thuế theo ngành dọc, thống nhất từ TW đến địa phương, khẳng định hướng đi đúng đắn trong cải cách tổ chức bộ máy thuế ở nước ta.

Tồn tại, hạn chế

Bên cạnh những ưu điểm nêu trên vẫn còn một số tồn tại, hạn chế cần phải khắc phục theo và được phân tích, bóc tách một cách chi tiết như sau:

- Quy trình nghiệp vụ quản lý thu thuế tách 3 bộ phận vẫn cũng những sơ hở, nhiều nơi chưa chấp hành nghiêm túc, chưa xã bỏ triệt để chế độ chuyên quản…Phương pháp quản lý chủ yếu vẫn thủ công, tại các Chi cục Thuế vẫn phổ biến tình trạng cỏn bộ thuế trực tiếp đến các hộ để xác định mức thuế và thu thuế, làm cho ngành Thuế phải mất khá nhiều nhân lực vào công tác thu thuế mà hiệu quả công tác lại không cao, để dẫn đến hiện tượng cán bộ thu thuế xâm tiêu tiền thuế, thông đồng, móc ngoặc với người nộp thuế, làm thất thu ngân sách.

- Qui trình nghiệp vụ quản lý và thủ tục kờ khai, nộp thuế cũng phức tạp và thiếu tình đồng nhất giữa các sắc thuế, giữa các ĐTNT, gây khó khăn cho ĐTNT trong việc kê khai và nộp thuế, tạo sơ hở để ĐTNT lợi dụng kê khai thiểu thuế mà không sợ bị xử lý hành vi trốn, lậu thuế. Một số thủ tục quản lý thuế quá rườm rà, không phù hợp với thông lệ quốc tế.

TTBD ĐBDC

- Công tác tuyên truyền chính sách thuế và phục vụ ĐTNT ở một số địa phương chưa được coi là nhiệm vụ quan trọng của ngành thuế, Vì vậy chưa được chú trọng đúng mức, làm cho sự hiểu biết về luật của ĐTNT cũng rất thấp, ĐTNT chưa nhận thức được trách nhiệm và nghĩa vụ nộp thuế của mình, gây khó khăn cho công tác quản lý thuế, đồng thời làm cho chi phí tuân thủ pháp luật thuế của ĐTNT và chi phí quản lý của ngành thuế tăng lên, hiệu quả quản lý thuế giảm.

- Trường hợp doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn nhiều tỉnh phải kê khai đăng ký và nộp thuế riờng biệt theo từng tỉnh, nhưng quy trình quản lý thu thuế chưa có những quy định rõ ràng, sự phối hợp giữa các cơ quan thuế với nhau chưa nhịp nhàng gây những khó khăn cho ĐTNT, tạo sơ hở cho việc trốn thuế, đôi khi cũng gây sự cạnh tranh giữa các cơ quan thuế để thu thuế các đối tượng này.

- Chưa có quy trình phân loại kiểm tra một cách có hệ thống, khoa học để nhằm phát hiện đối tượng có nhiều khả năng trốn thuế, lậu thuế để tiền hành thanh tra. Bộ máy thanh tra cũngg chưa đủ mạnh, chưa đáp ứng được yêu cầu của công tác kiểm tra, thanh tra thuế cũngg như nội bộ ngành.

- Các Luật thuế và quy trình quản lý thuế đề có quy định về việc tính phạt về thuế nhưng việc áp dụng các hình thức xử lý vi phạm và phạt cũng chưa nghiêm, làm giảm ý thức tự giác nộp thuế của ĐTNT. Do đó, hành vi vi phạm Luật thuế xảy ra khá phổ biến và có xu hướng ngày càng tăng.

- Việc hiện đại hoá công tác xử lý thông tin quản lý thu thuế cũng chậm; việc quy định về chế độ cung cấp và xử lý thông tin trong ngành thuế cũng chưa rõ ràng thiếu tính khả thi; các quy định về trao đổi thông tin với các ngành liên quan (Ngân Hàng, Kho bạc) thiếu chặt chẽ và không đầy đủ là những nguyên nhân gây hạn chế tính chính xác, tính khả thi và hiệu quả của công tác chỉ đạo thu và thi hành chính sách thuế.

- Tổ chức bộ máy ngành Thuế chưa thực sự phát huy được quyền lực của cơ quan công quyền để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Tóm lại qua phân tích thực trạng của hệ thống chính sách và hệ thống quản lý thuế đối với kinh tế cá thể, tiểu chủ ở Việt Nam cho thấy: cùng với tiến trình

TTBD ĐBDC

đổi mới đất nước trong gần 20 năm qua, hệ thống thuế đó có nhiều bước cải cách quan trọng. Chính sách thuế đó có tác dụng thúc đẩy kinh tế cỏ thể, tiểu chủ phát triển sản xuất kinh doanh phát triển đó gúp phần tăng thu cho NSNN, đáp ứng kịp thời đòi hỏi phát triển của tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế. Tuy nhiên, trước yêu cầu của giai đoạn phát triển kinh tế phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, mở cửa hội nhập kinh tế quốc tế, hệ thống thuế cũng bộc lộ những hạn chế, cần phải tiếp tục cải cách chính sách thuế và hệ thống quản lý thuế thực sự có hiệu lực, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu của giai đoạn mới.

TTBD ĐBDC